

Số: 09/2022/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 01 tháng 7 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG  
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 4**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;*

*Xét Tờ trình số 48/TTr-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 186/BC-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2022 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (*sau đây viết tắt là Chương trình*).

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; các huyện, thành phố và các đơn vị có quản lý, sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước của Chương trình trong giai đoạn 2021-2025.

### **Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn**

Đảm bảo các nguyên tắc được quy định tại Điều 3 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (*sau đây viết tắt là Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg*); căn cứ tình hình thực tế và các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương để tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm theo các quy định hiện hành; không phân bổ vượt quá tổng số vốn do ngân sách trung ương, địa phương giao cho Chương trình hằng năm và giai đoạn 2021- 2025.

### **Điều 4. Tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ vốn ngân sách**

1. Quy định chung về tiêu chí phân bổ vốn

a) Quy mô dân số được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Tổng cục Thống kê năm 2021.

b) Số hộ nghèo, số hộ cận nghèo và tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện, thành phố để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2022 - 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Huyện khu vực miền núi, vùng cao; đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố để tính hệ số được xác định căn cứ vào Nghị quyết số 816/NQ-UBTVQH14 ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc

sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Tuyên Quang; Nghị quyết số 1262/NQ-UBTVQH14 ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc điều chỉnh địa giới hành chính cấp huyện, cấp xã và thành lập các thị trấn thuộc tỉnh Tuyên Quang và các quy định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

d) Huyện nghèo căn cứ vào danh sách được quy định tại Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025 và Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025.

đ) Số lượng tuyển sinh tương ứng với loại hình đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu kết quả tuyển sinh năm 2021 do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Tuyên Quang công bố.

e) Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn huyện, thành phố căn cứ vào số liệu rà soát của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố báo cáo tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2021.

ê) Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thấp còi theo số liệu công bố năm 2021 của Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang.

## 2. Tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ vốn ngân sách

Tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách và phương pháp tính toán, xác định vốn phân bổ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương theo tiêu chí của từng dự án, tiểu dự án thành phần được quy định chi tiết theo 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

### **Điều 5. Mức vốn đối ứng của ngân sách địa phương**

Hàng năm ngân sách tỉnh bố trí đối ứng tối thiểu bằng mức tỷ lệ quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 13 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg.

### **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

## **Điều 7. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 01 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 11 tháng 7 năm 2022.

2. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình quy định tại Nghị quyết này áp dụng cho các năm ngân sách giai đoạn 2021 - 2025./.

### ***Nơi nhận:***

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;
- Các Văn phòng: Chủ tịch nước, Quốc hội, Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế Bộ Tài chính; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Sở Tư pháp, đăng tải CSDL;
- Các Sở, Ban, Ngành của tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Tuyên Quang, Đài phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Công báo Tuyên Quang; Công thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Phạm Thị Minh Xuân**

**Phụ lục I**  
**DỰ ÁN 1: HỖ TRỢ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG**  
**KINH TẾ - XÃ HỘI CÁC HUYỆN NGHÈO**  
*(Kèm theo Nghị quyết số: 09/2022/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2022*  
*của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

1. Phân bổ 100% vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp duy tu bảo dưỡng) của Dự án cho các huyện nghèo.
2. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn đối với huyện nghèo.

Tiêu chí	Hệ số
<b>1. Tiêu chí 1: Quy mô dân số của huyện</b>	
Dưới 10.000 hộ	0,15
Từ 10.000 hộ trở lên	0,17
<b>2. Tiêu chí 2: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện</b>	
Dưới 65%	0,46
Từ 65% trở lên	0,5
<b>3. Tiêu chí 3: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện</b>	
Dưới 10 xã	0,1
Từ 10 xã trở lên	0,12

3. Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện nghèo

Vốn hỗ trợ đầu tư phát triển của ngân sách nhà nước phân bổ cho từng huyện nghèo được tính theo công thức:  $A_i = Q \cdot X_i$

Trong đó:

$A_i$  là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho huyện thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân của một đơn vị, được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i}$$

$G$  là tổng số vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho các huyện nghèo để thực hiện Dự án 1.

**Phụ lục II****DỰ ÁN 2: ĐA DẠNG HÓA SINH KẾ, PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH GIẢM NGHÈO**

(Kèm theo Nghị quyết số: 09/2022/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2022  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

1. Phân bổ 100% vốn ngân sách nhà nước của Dự án cho các huyện, thành phố.
2. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho huyện, thành phố.

Tiêu chí	Hệ số
<b>1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b>	
Dưới 05%	0,1
Từ 05% đến dưới 10%	0,3
Từ 10% đến dưới 20%	0,4
Từ 20% đến dưới 30%	0,5
Từ 30% đến dưới 40%	0,6
Từ 40% đến dưới 50%	0,7
Từ 50% đến dưới 60%	0,8
Từ 60% trở lên	0,9
<b>2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b>	
Dưới 1.000 hộ	0,1
Từ 1.000 hộ đến dưới 5.000 hộ	0,2
Từ 5.000 hộ đến dưới 10.000 hộ	0,3
Từ 10.000 hộ đến dưới 12.000 hộ	0,4
Từ 12.000 hộ đến dưới 14.000 hộ	0,5
Từ 14.000 hộ trở lên	0,6
<b>3. Tiêu chí 3: Huyện nghèo</b>	<b>0,3</b>
<b>4. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã</b>	
Dưới 15 xã	1,15
Từ 15 xã đến 20 xã	1,3
Từ 21 xã đến 25 xã	1,5
Trên 25 xã	2

3. Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng địa phương được tính theo công thức:

$$C_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

$C_i$  là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho địa phương thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương thứ  $i$ .

$Y_i$  là tổng hệ số tiêu chí huyện nghèo, số đơn vị hành chính cấp xã của địa phương thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân của một đơn vị, được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

$G$  là tổng số vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho các địa phương để thực hiện Dự án 2.

**Phụ lục III**

**DỰ ÁN 3: HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, CẢI THIỆN DINH DƯỠNG**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 09/2022/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2022  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

**1. Tiêu dự án 1:** Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp.

a) Phân bổ tối đa 5% vốn ngân sách nhà nước của Tiêu dự án cho Sở, ban, ngành cấp tỉnh; tối thiểu 95% cho các huyện, thành phố.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho huyện, thành phố.

Tiêu chí	Hệ số
<b>1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b>	
Dưới 05%	0,1
Từ 05% đến dưới 10%	0,3
Từ 10% đến dưới 20%	0,4
Từ 20% đến dưới 30%	0,5
Từ 30% đến dưới 40%	0,6
Từ 40% đến dưới 50%	0,7
Từ 50% đến dưới 60%	0,8
Từ 60% trở lên	0,9
<b>2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b>	
Dưới 1.000 hộ	0,1
Từ 1.000 hộ đến dưới 5.000 hộ	0,2
Từ 5.000 hộ đến dưới 10.000 hộ	0,3
Từ 10.000 hộ đến dưới 12.000 hộ	0,4
Từ 12.000 hộ đến dưới 14.000 hộ	0,5
Từ 14.000 hộ trở lên	0,6
<b>3. Tiêu chí 3: Huyện nghèo</b>	<b>0,3</b>
<b>4. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã</b>	
Dưới 15 xã	1,15
Từ 15 xã đến 20 xã	1,3
Từ 21 xã đến 25 xã	1,5
Trên 25 xã	2



c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng địa phương được tính theo công thức:

$$D_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

$D_i$  là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho địa phương thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương thứ  $i$ .

$Y_i$  là tổng hệ số tiêu chí huyện nghèo, số đơn vị hành chính cấp xã của địa phương thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân của một đơn vị, được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

$G$  là tổng số vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho các địa phương để thực hiện Tiểu dự án 1 Dự án 3.

**2. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng.**

a) Phân bổ tối đa 10% vốn ngân sách nhà nước của Tiểu dự án cho Sở, ban, ngành cấp tỉnh; tối thiểu 90% cho các huyện, thành phố.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho huyện, thành phố.

Tiêu chí	Hệ số
<b>1. Tiêu chí 1: Huyện nghèo</b>	<b>0,3</b>
<b>2. Tiêu chí 2: Số đơn vị hành chính cấp xã</b>	
Dưới 15 xã	1,15
Từ 15 xã đến 20 xã	1,3
Từ 21 xã đến 25 xã	1,5
Trên 25 xã	2
<b>3. Tiêu chí 3: Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi</b>	
Dưới 15%	1,0
Từ 15% đến dưới 20%	1,2
Từ 20% đến dưới 25%	1,4
Từ 25% trở lên	1,6

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng địa phương được tính theo công thức:

$$E_i = Q \cdot Y_i \cdot DD_i$$

Trong đó:

$E_i$  là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho địa phương thứ  $i$ .

$DD_i$  là tổng hệ số tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi của địa phương thứ  $i$ .

$Y_i$  là tổng hệ số tiêu chí huyện nghèo, số đơn vị hành chính cấp xã của địa phương thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân của một đơn vị, được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n Y_i \cdot DD_i}$$

$G$  là tổng số vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho các địa phương để thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 3.

### Phụ lục IV

#### DỰ ÁN 4: PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP, VIỆC LÀM BỀN VỮNG

(Kèm theo Nghị quyết số: 09/2022/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

#### 1. Tiêu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn.

##### a) Đối với vốn đầu tư phát triển

Phân bổ 100% vốn đầu tư phát triển của tiểu dự án để đầu tư cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh; giao Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết theo quy định.

##### b) Đối với vốn sự nghiệp

(1) Phân bổ tối đa 1% tổng số vốn sự nghiệp của Tiểu dự án cho Sở, ban, ngành cấp tỉnh.

(2) Phân bổ tối đa 20% tổng số vốn sự nghiệp của Tiểu dự án cho Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật - Công nghệ Tuyên Quang.

(3) Phân bổ tối đa 39% cho Ủy ban nhân dân các huyện để hỗ trợ cho Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.

- Về tiêu chí và hệ số phân bổ cho huyện

Tiêu chí	Hệ số
<b>1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b>	
Dưới 05%	0,1
Từ 05% đến dưới 10%	0,3
Từ 10% đến dưới 20%	0,4
Từ 20% đến dưới 30%	0,5
Từ 30% đến dưới 40%	0,6
Từ 40% đến dưới 50%	0,7
Từ 50% đến dưới 60%	0,8
Từ 60% trở lên	0,9
<b>2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b>	
Dưới 1.000 hộ	0,1
Từ 1.000 hộ đến dưới 5.000 hộ	0,2
Từ 5.000 hộ đến dưới 10.000 hộ	0,3
Từ 10.000 hộ đến dưới 12.000 hộ	0,4
Từ 12.000 hộ đến dưới 14.000 hộ	0,5
Từ 14.000 hộ trở lên	0,6
<b>3. Tiêu chí 3: Huyện nghèo</b>	<b>0,3</b>
<b>4. Tiêu chí 4: Số lượng tuyển sinh/năm</b>	
Dưới 500 học sinh	0,6
Từ 500 học sinh đến dưới 1.500 học sinh	0,7
Từ 1.500 học sinh trở lên	0,8

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho đơn vị:

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng đơn vị được tính theo công thức:

$$H_i = Q.X_i$$

Trong đó:

$H_i$  là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho đơn vị thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo, huyện nghèo, số lượng tuyển sinh của đơn vị thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân của một đơn vị, được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i}$$

$G$  là tổng số vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho các đơn vị để hỗ trợ cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập.

(4) Phân bổ tối thiểu 40% cho các huyện, thành phố để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

- Về tiêu chí và hệ số phân bổ cho huyện, thành phố

Tiêu chí	Hệ số
<b>1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b>	
Dưới 05%	0,1
Từ 05% đến dưới 10%	0,3
Từ 10% đến dưới 20%	0,4
Từ 20% đến dưới 30%	0,5
Từ 30% đến dưới 40%	0,6
Từ 40% đến dưới 50%	0,7
Từ 50% đến dưới 60%	0,8
Từ 60% trở lên	0,9
<b>2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b>	
Dưới 1.000 hộ	0,1
Từ 1.000 hộ đến dưới 5.000 hộ	0,2
Từ 5.000 hộ đến dưới 10.000 hộ	0,3
Từ 10.000 hộ đến dưới 12.000 hộ	0,4
Từ 12.000 hộ đến dưới 14.000 hộ	0,5
Từ 14.000 hộ trở lên	0,6

Tiêu chí	Hệ số
<b>3. Tiêu chí 3: Huyện nghèo</b>	<b>0,3</b>
<b>4. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã</b>	
Dưới 15 xã	1,15
Từ 15 xã đến 20 xã	1,3
Từ 21 xã đến 25 xã	1,5
Trên 25 xã	2

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho đơn vị:

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng đơn vị được tính theo công thức:

$$K_i = Q.X_i$$

Trong đó:

$K_i$  là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho đơn vị thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo, huyện nghèo, số đơn vị hành chính cấp xã của đơn vị thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân của một đơn vị, được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i}$$

$G$  là tổng số vốn ngân sách nhà nước phân bổ để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

**2. Tiểu dự án 2:** Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Phân bổ 100% vốn ngân sách nhà nước của Tiểu dự án cho huyện nghèo.

- Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện nghèo.

Tiêu chí	Hệ số
<b>1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện</b>	
Dưới 65%	0,46
Từ 65% trở lên	0,5
<b>2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện</b>	
Dưới 10.000 hộ	0,15
Từ 10.000 hộ trở lên	0,17

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng địa phương được tính theo công thức:

$$L_i = Q.X_i$$

Trong đó:

$L_i$  là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho địa phương thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân của một đơn vị, được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

$G$  là tổng số vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho các địa phương để thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 4.

**3. Tiểu dự án 3:** Hỗ trợ việc làm bền vững.

a) Đối với vốn đầu tư phát triển: Phân bổ 100% vốn ngân sách nhà nước cho Sở, ban, ngành cấp tỉnh.

b) Đối với vốn sự nghiệp.

- Phân bổ tối đa 50% vốn ngân sách nhà nước cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; tối thiểu 50% vốn ngân sách cho các huyện, thành phố.

- Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho huyện, thành phố.

Tiêu chí	Hệ số
<b>1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b>	
Dưới 05%	0,1
Từ 05% đến dưới 10%	0,3
Từ 10% đến dưới 20%	0,4
Từ 20% đến dưới 30%	0,5
Từ 30% đến dưới 40%	0,6
Từ 40% đến dưới 50%	0,7
Từ 50% đến dưới 60%	0,8
Từ 60% trở lên	0,9
<b>2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b>	
Dưới 1.000 hộ	0,1
Từ 1.000 hộ đến dưới 5.000 hộ	0,2
Từ 5.000 hộ đến dưới 10.000 hộ	0,3
Từ 10.000 hộ đến dưới 12.000 hộ	0,4
Từ 12.000 hộ đến dưới 14.000 hộ	0,5
Từ 14.000 hộ trở lên	0,6
<b>3. Tiêu chí 3: Tổng số lao động từ đủ 15 tuổi trở lên</b>	
Dưới 70.000 người	1,5
Từ 70.000 người đến dưới 90.000 người	1,55
Từ 90.000 người đến dưới 120.000 người	1,56
Từ 120.000 người trở lên	1,57

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng địa phương được tính theo công thức:

$$M_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

$M_i$  là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho địa phương thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương thứ  $i$ .

$Y_i$  là hệ số lao động từ đủ 15 tuổi trở lên của địa phương thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân của một đơn vị, được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

$G$  là tổng số vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho các địa phương để thực hiện Tiểu dự án 3 thuộc Dự án 4.

**Phụ lục V****DỰ ÁN 5: HỖ TRỢ NHÀ Ở CHO HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO  
TRÊN ĐỊA BÀN HAI HUYỆN NGHÈO: NA HANG, LÂM BÌNH**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 09/2022/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2022  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

1. Căn cứ vốn sự nghiệp ngân sách trung ương, căn cứ nhu cầu xây dựng mới, sửa chữa nhà ở của hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo, Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí cho các huyện nghèo thực hiện.
2. Định mức hỗ trợ: Mức hỗ trợ theo quy định tại khoản 2, Điều 9 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg và bố trí vốn đối ứng của ngân sách địa phương theo quy định.



**Phụ lục VI****DỰ ÁN 6: TRUYỀN THÔNG VÀ GIẢM NGHÈO VỀ THÔNG TIN**

(Kèm theo Nghị quyết số: 09/2022/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2022  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

**1. Tiêu Dự án 1: Giảm nghèo về thông tin.**

a) Phân bổ tối đa 30% vốn ngân sách nhà nước cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; tối thiểu 70% cho các huyện, thành phố.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho huyện, thành phố.

<b>Tiêu chí</b>	<b>Hệ số</b>
<b>1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b>	
Dưới 05%	0,1
Từ 05% đến dưới 10%	0,3
Từ 10% đến dưới 20%	0,4
Từ 20% đến dưới 30%	0,5
Từ 30% đến dưới 40%	0,6
Từ 40% đến dưới 50%	0,7
Từ 50% đến dưới 60%	0,8
Từ 60% trở lên	0,9
<b>2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b>	
Dưới 1.000 hộ	0,1
Từ 1.000 hộ đến dưới 5.000 hộ	0,2
Từ 5.000 hộ đến dưới 10.000 hộ	0,3
Từ 10.000 hộ đến dưới 12.000 hộ	0,4
Từ 12.000 hộ đến dưới 14.000 hộ	0,5
Từ 14.000 hộ trở lên	0,6
<b>3. Tiêu chí 3: Huyện nghèo</b>	<b>0,3</b>
<b>4. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã</b>	
Dưới 15 xã	1,15
Từ 15 xã đến 20 xã	1,3
Từ 21 xã đến 25 xã	1,5
Trên 25 xã	2

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng địa phương được tính theo công thức:

$$N_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i + D_i$$

Trong đó:

$N_i$  là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho địa phương thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương thứ  $i$ .

$Y_i$  là tổng hệ số tiêu chí huyện nghèo, số đơn vị hành chính cấp xã của địa phương thứ  $i$ .

$D_i$  là nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin theo hướng dẫn của cơ quan chủ trì Tiểu Dự án của tỉnh.

$Q$  là vốn bình quân của một đơn vị, được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

$G$  là tổng số vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho các địa phương để thực hiện Tiểu dự án 1 Dự án 6.

2. Tiểu Dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều.

a) Phân bổ tối đa 50% vốn ngân sách nhà nước cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; tối thiểu 50% cho các huyện, thành phố.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho huyện, thành phố.

Tiêu chí	Hệ số
<b>1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b>	
Dưới 05%	0,1
Từ 05% đến dưới 10%	0,3
Từ 10% đến dưới 20%	0,4
Từ 20% đến dưới 30%	0,5
Từ 30% đến dưới 40%	0,6
Từ 40% đến dưới 50%	0,7
Từ 50% đến dưới 60%	0,8
Từ 60% trở lên	0,9
<b>2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b>	
Dưới 1.000 hộ	0,1
Từ 1.000 hộ đến dưới 5.000 hộ	0,2
Từ 5.000 hộ đến dưới 10.000 hộ	0,3
Từ 10.000 hộ đến dưới 12.000 hộ	0,4

Tiêu chí	Hệ số
Từ 12.000 hộ đến dưới 14.000 hộ	0,5
Từ 14.000 hộ trở lên	0,6
<b>3. Tiêu chí 3: Huyện nghèo</b>	<b>0,3</b>
<b>4. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã</b>	
Dưới 15 xã	1,15
Từ 15 xã đến 20 xã	1,3
Từ 21 xã đến 25 xã	1,5
Trên 25 xã	2

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng địa phương được tính theo công thức:

$$P_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

$P_i$  là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho địa phương thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương thứ  $i$ .

$Y_i$  là tổng hệ số tiêu chí huyện nghèo, số đơn vị hành chính cấp xã của địa phương thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân của một đơn vị, được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

$G$  là tổng số vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho các địa phương để thực hiện Tiểu dự án 2 Dự án 6.

**Phụ lục VII**  
**DỰ ÁN 7: NÂNG CAO NĂNG LỰC**  
**VÀ GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH**  
*(Kèm theo Nghị quyết số: 09/2022/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2022*  
*của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

**1. Tiêu Dự án 1:** Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình.

a) Phân bổ ngân sách nhà nước tối đa 30% cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; tối thiểu 70% cho các huyện, thành phố.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho huyện, thành phố.

Tiêu chí	Hệ số
<b>1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b>	
Dưới 05%	0,1
Từ 05% đến dưới 10%	0,3
Từ 10% đến dưới 20%	0,4
Từ 20% đến dưới 30%	0,5
Từ 30% đến dưới 40%	0,6
Từ 40% đến dưới 50%	0,7
Từ 50% đến dưới 60%	0,8
Từ 60% trở lên	0,9
<b>2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b>	
Dưới 1.000 hộ	0,1
Từ 1.000 hộ đến dưới 5.000 hộ	0,2
Từ 5.000 hộ đến dưới 10.000 hộ	0,3
Từ 10.000 hộ đến dưới 12.000 hộ	0,4
Từ 12.000 hộ đến dưới 14.000 hộ	0,5
Từ 14.000 hộ trở lên	0,6
<b>3. Tiêu chí 3: Huyện nghèo</b>	<b>0,3</b>
<b>4. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã</b>	
Dưới 15 xã	1,15
Từ 15 xã đến 20 xã	1,3
Từ 21 xã đến 25 xã	1,5
Trên 25 xã	2

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng địa phương được tính theo công thức:

$$R_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

$R_i$  là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho địa phương thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương thứ  $i$ .

$Y_i$  là tổng hệ số tiêu chí huyện nghèo, số đơn vị hành chính cấp xã của địa phương thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân của một đơn vị, được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

$G$  là tổng số vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho các địa phương để thực hiện Tiêu Dự án 1 Dự án 7.

## 2. Tiêu Dự án 2: Giám sát, đánh giá

a) Phân bổ ngân sách nhà nước của Tiêu dự án tối đa 50% cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; tối thiểu 50% cho các huyện, thành phố.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho huyện, thành phố.

Tiêu chí	Hệ số
<b>1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b>	
Dưới 05%	0,1
Từ 05% đến dưới 10%	0,3
Từ 10% đến dưới 20%	0,4
Từ 20% đến dưới 30%	0,5
Từ 30% đến dưới 40%	0,6
Từ 40% đến dưới 50%	0,7
Từ 50% đến dưới 60%	0,8
Từ 60% trở lên	0,9
<b>2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b>	
Dưới 1.000 hộ	0,1
Từ 1.000 hộ đến dưới 5.000 hộ	0,2
Từ 5.000 hộ đến dưới 10.000 hộ	0,3
Từ 10.000 hộ đến dưới 12.000 hộ	0,4
Từ 12.000 hộ đến dưới 14.000 hộ	0,5
Từ 14.000 hộ trở lên	0,6
<b>3. Tiêu chí 3: Huyện nghèo</b>	<b>0,3</b>

Tiêu chí	Hệ số
<b>4. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã</b>	
Dưới 15 xã	1,15
Từ 15 xã đến 20 xã	1,3
Từ 21 xã đến 25 xã	1,5
Trên 25 xã	2

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng địa phương được tính theo công thức:

$$T_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

$T_i$  là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho địa phương thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương thứ  $i$ .

$Y_i$  là tổng hệ số tiêu chí huyện nghèo, số đơn vị hành chính cấp xã của địa phương thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân của một đơn vị, được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

$G$  là tổng số vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho các địa phương để thực hiện Tiểu Dự án 2 Dự án 7.